

4. Vương Hoàng Tuyên, Sách đã dẫn, tr.186.
5. *Trung Quốc thiểu số dân tộc*, Bản Trung văn, Nhân dân xuất bản xã, Bắc Kinh, 1981, tr.297.
6. *Trung Quốc thiểu số dân tộc*, Sách đã dẫn, tr.297.
7. Xem thêm *Việt Nam Bắc phương thiểu số dân tộc*, bản Trung văn. Quảng Tây dân tộc học viện, Dân tộc nghiên cứu sở, 1986, tr.398.
8. Xem thêm: Hoàng Hoa Toàn - Hoàng Lương *Sơ bộ tìm hiểu nguồn gốc các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Di*, TC.DTH, số 1-1979, tr.64.
9. Xem Hướng Đạt *Đường đại Trường An dư Tây Vực văn minh* Tam Liên thư điểm xuất bản - Bắc Kinh, 1957. Phần dịch *Nam chiểu sử lược luận* của Thư viện KHXH, ký hiệu Vd 1117, tr.36.
10. Xem *Di tộc gian giới*", Tổ điều tra lịch sử xã hội các dân tộc thiểu số tỉnh Vân Nam, 1963, Bản dịch đánh máy lưu trữ tại Viện Dân tộc học Việt Nam, Ký hiệu D.96, tr.9-28. Và *Vưu Trung Trung Quốc Tây Nam đích cổ đại dân tộc*, Nxb Nhân dân tỉnh Vân Nam. Côn Minh, 1979. Bản dịch đánh máy lưu trữ tại Viện Dân tộc học Việt Nam, Ký hiệu D.353, Chương V, tiết 2.
11. *Trung Quốc thiểu số dân tộc*, sách đã dẫn, tr.300-301.
12. *Di tộc gian giới*, tài liệu đã dẫn, tr.5.
13. Xem *Vưu Trung*, tài liệu đã dẫn, Chương V, tiết 2 và *Di tộc gian giới* tài liệu đã dẫn, phần phụ lục.
- 14, 15. *Vưu Trung*, tài liệu đã dẫn, Chương IV, tiết 13.
- 16, 17. *Vưu Trung*, tài liệu đã dẫn, Chương V, tiết 2.
18. *Di tộc gian giới*, tài liệu đã dẫn, phần phụ lục.
19. *Vưu Trung*, tài liệu đã dẫn, Chương V, tiết 2.
20. Xem thêm *Lục Bình Thủy*, Nông Trung, tài liệu đã dẫn, tr.76.
21. *Y Quàn Ngã Quốc thiểu số dân tộc gian giới*, bản Trung văn, Dân tộc xuất bản xã, Bắc Kinh, 1958, tr.36.
22. *Vưu Trung*, tài liệu đã dẫn, Chương V, tiết 2.
23. *Di tộc gian giới*, tài liệu đã dẫn, phần phụ lục.
24. *Bùi Văn Tịnh, Cầm Trọng, Nguyễn Hữu Ứng Các tộc người ở Tây Bắc Việt Nam*, Ban dân tộc Tây Bắc xuất bản, 1975, tr.20.

NƯƠNG RẦY TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI DAO Ở CAO BẰNG

LÝ HÀNH SƠN

Tỉnh Cao Bằng có nhiều nhóm Dao trong đó có Dao Tiên và Dao Đỏ cư trú ở các huyện Nguyên Bình, Ba Bể, Ngân Sơn, đồng bào làm nương làm ruộng và đang có nhu cầu phát triển kinh tế vườn. Trong các loại hình trồng trọt thì làm nương là hình thức truyền thống, nó đang dần dần được thay thế bởi các hình thức sản xuất mới có hiệu quả kinh tế cao hơn như chăn nuôi, trồng cây ăn quả, trồng rừng...

I. CÁCH LÀM NƯƠNG RẦY DU CANH

Người Dao khai phá nương rẫy (*chấu đơi* - tiếng Dao Đỏ, *chấu liáng* - tiếng Dao Tiên) không chỉ để trồng lúa mà còn để trồng ngô là hai loại cây lương thực chính. Quy trình làm nương rẫy thường trải qua nhiều khâu, nếu là năm đầu thì cần tiến hành các bước như chọn đất, phát, đốt, dọn, gieo trồng, làm cỏ,... Tuy vất vả trong việc khai phá nhưng mỗi đám nương chỉ gieo trồng được từ 3 - 5 năm lại bỏ do đất bạc màu. Loại nương này được gọi là nương du canh.

1. *Cách chọn đất*. Đối với đồng bào Dao ở Cao Bằng, việc chọn đất là bước quan trọng bởi nó quyết định một phần năng suất thu hoạch và thời gian canh tác. Do đó, người đi chọn đất làm nương phải là chủ nhà hoặc người lớn tuổi trong gia đình có nhiều kinh nghiệm, xem xét và phân tích đất. Bước này người Dao Tiên gọi là *moảng đao*, được tiến hành vào tháng 12 và tháng 1 âm lịch. Theo kinh nghiệm cổ truyền, người Dao thường chọn sườn đồi hay chân núi phía mặt trời

mọc hoặc lặn để làm nương. Đó là những hướng có nhiều ánh sáng, tạo điều kiện cho ngô lúa và hoa màu phát triển. Tuy nhiên, độ dốc cũng rất quan trọng, nếu dốc quá sẽ không thuận lợi cho thời gian canh tác. Trước đây, khi còn nhiều rừng, đồng bào Dao ở các vùng trên hay chọn rừng già để làm nương bởi những nơi đó đất tốt, có nhiều mùn, cho phép gieo trồng nhiều năm. Bước đầu người ta xem màu của đất rồi thọc mạnh dao hay que có đầu vát nhọn xuống đất rồi từ từ rút ra để quan sát độ dày của lớp mùn và độ ẩm của đất: nếu có đất dính nhiều ở dao thì độ ẩm cao, không dính là đất khô. Mặt khác, khi rút dao ra họ còn chú ý đến độ nén của đất: khó rút dao thì đất bị nén chặt, dễ rút dao - đất tơi. Người Dao rất ưa thích loại đất màu đen nâu (*doang chia*) có độ ẩm và độ nén hơi chặt, khi xới lên không bị tơi mà kết thành cục nhỏ (*pút đùn*). Những loại đất như vậy, thường đạt yêu cầu cho việc trồng lúa, còn đất xốp sẽ làm cho lúa chết hạn hoặc bông lép do cây phát triển quá tốt, nhưng nếu đất quá chặt thì lại gây khó khăn cho việc làm cỏ sau này. Tất nhiên, đồng bào còn nhắm thử xem đất chát hay mặn, chua hoặc đắng,... người ta cho rằng những loại đất không chua, hơi có vị chát và mặn là tốt, thích hợp với cây lúa nương.

Chọn xong, người ta làm dấu hiệu (*biu liáng*) cho người khác biết rằng khu đất này đã có chủ. Tùy thuộc vào vị trí của đám đất mà có nhiều cách đánh dấu khác nhau. Nếu mảnh đất ở xa đường đi lại thì cần phát một khoảnh nhỏ rộng từ 1-2 sải tay, dài gần bằng 1/4 hoặc một nửa chiều dài đám nương rẫy định khai phá. Nhiều khi trên mảnh đất đã phát, đồng bào cắm một đoạn cây cao khoảng sải tay, đầu trên chẻ đôi và cài thêm một đoạn cây khác dài khoảng 2-3 gang tay, thấy đầu của đoạn cây trên hướng về 2 phía theo chiều dài của khoảnh đất đã phát thì chân của đám nương định khai phá sẽ là đường thẳng theo đường phát để đánh dấu. Trường hợp 2 đầu đoạn cây

trên cắt ngang khoảnh đất đã phát thì ranh giới của đám nương chưa được xác định. Nếu vị trí đám nương định khai phá ở gần đường làng thì chỉ cần cắm đoạn cây đánh dấu để dân làng nhìn thấy khi đi lại. Gia đình khác muốn khai phá đám nương gần khu đất đã có chủ thì nhất thiết phải được sự đồng ý của chủ, nếu tùy tiện sẽ bị lên án.

2. *Phát và dọn (tria liáng)*. Nương mới khai phá đều được phát theo trình tự: phát cây cỏ, cây non, chặt dây leo (*tria mia*), sau đó chặt ngã các loại cây to (*còi điáng*), cuối cùng chặt nhỏ các cành của những cây to đã ngã (*trúi điang gò*), rải phơi khắp mặt đất để khi đốt lửa cháy đều, tiết kiệm được công sức dọn dẹp. Diện tích cần khai phá của đám nương thường phụ thuộc vào nhu cầu gieo trồng và khả năng lao động trong gia đình. Nếu sản lượng thu hoạch hàng năm từ các đám nương khác, kể cả lúa nước được gần đáp ứng nhu cầu tối thiểu về mức sống hàng ngày mà trong gia đình còn dư sức lao động thì diện tích khai phá nương mới cần có sự bàn bạc của các thành viên trong gia đình. Người ta có ý thức làm trừ hao (*chấu pô pia*), tức dự định khai phá gieo trồng 30 cụm thóc giống thì cần khai phá đủ gieo trồng 40 cụm để tránh sự phá hoại của thú rừng và sâu bọ.

Dụng cụ phát cỏ chặt cây nhỏ có con dao quắm (*dù ngao*) và dao chặt (*dù chà*). Tùy sở thích của từng người, các con dao này được tra cán, thường dao quắm thì cán dài hơn khoảng từ 25cm - 40cm, còn dao chặt thì cán ngắn. Dao quắm dùng để phát cỏ, kéo bật cả gốc và chặt dây, cây nhỏ; dao chặt làm chức năng chặt các cây to từ bắp tay đến bắp đùi. Dụng cụ để ngã cây to có búa tra cán (*tào pâu*). Để chặt nhỏ các cành cây to đã ngã, đồng bào dùng búa và dao chặt. Trước khi phát nương, đặc biệt chặt ngã các cây to, người ta phải mang cơm nước đến cúng thổ thần và các loại ma đói ở đó (*sít thung miên*). Theo quan niệm

của người Dao, khi phát cỏ, chặt cây có thể gây ảnh hưởng đến các loại ma này, nếu không cúng chúng thì an toàn của người lao động sẽ không đảm bảo như chặt cây trượt búa chắm vào tay chân, bị cây đổ vào người...

Nương phát xong được phơi khô từ 1 tháng đến 2 tháng mới đốt. Đốt được khoảng 1 tuần sau, người ta bắt đầu các công việc dọn dẹp (*piêu liáng*). Đồng bào thường đẩy, kéo và chặt các cành cây, cỏ chưa cháy hết chất thành đống ở gần các cây to để đốt, và những chỗ đó có rất nhiều tro gọi là tàu dạo được dành để trồng thêm dưa, bí, củ hình nhân, hoặc gieo rau cải xen với lúa. Dụng cụ để dọn nương có dao và các loại cây que có móc. Thông thường que có móc dạng đuôi dao quắm (*điang ngao*) dùng để kéo cỏ và các cành cây. Riêng cây que có móc dạng cột ngầm (*điang tho*) thì thuận tiện hơn dùng để đẩy, bởi các loại cỏ và cành cây chưa cháy hết. Khác với hướng phát là từ chân nương lên đầu nương, đồng bào quen dọn dẹp từ đầu nương xuống chân nương theo chiều dốc của sườn đồi núi để dễ đẩy và kéo cây cỏ. Mặt khác dọn nương theo chiều này còn có lợi là khi đốt các đống cây cỏ người lao động vẫn không ảnh hưởng tới khói lửa.

Đối với những đám nương đã gieo trồng một năm trở lên thì công việc phát dọn có phần nhẹ nhàng hơn. Sau khi thu hoạch, người ta bỏ rơm rạ trên nương, nếu gặt đập thì cần lấy rạ rải đều đợi đến những ngày trời hanh khô cuối tháng 1 âm lịch mới đốt lửa để cho cháy hết rơm rạ và các cây cỏ dại đã khô héo trong mùa đông. Sau đó người ta đợi đến đầu tháng 4 âm lịch cho cây cỏ dại mọc lên mới dùng cuốc bươm và dao quắm làm cỏ để gieo trồng ngô, lúa.

3. *Gieo trồng.* Về giống, đồng bào Dao ở các vùng thuộc tỉnh Cao Bằng thường trồng các loại lúa nương mà tiếng Dao Tiên gọi là *biào đoàng, kho ít, kho mò, biào xoam,*

kho kén, kho lành... nhưng chỉ có 2 loại chính là lúa nếp (*biào biệt*) và lúa tẻ (*biào chi*). Tất cả đều là giống lúa dài ngày từ 3 tháng rưỡi đến 4 tháng rưỡi mới cho thu hoạch, tức gieo trồng vào tháng 5 âm lịch thì đến tháng 9 và tháng 10 mới thu hoạch. Phương pháp bảo quản và chọn giống của người Dao khá đơn giản. Trên đám nương lúa chín, họ chọn chỗ nào lúa phát triển đều bông, dài hạt, chắc thì dùng nhíp hái từng bông, chỉ chọn những bông tốt và bó thành cụm có buộc rơm đánh dấu đem về phơi trên gác bếp. Chỗ để thóc giống cần kiêng không cho phụ nữ đang ở cữ đến gần, riêng người đỡ đẻ cho gia súc cũng phải kiêng từ 7 - 10 ngày mới được vào nơi để thóc giống. Khi sắp gieo trồng, người ta đem các cụm thóc giống đi tuốt và quạt cho sạch loại bỏ các hạt lép. Đồng bào rất kiêng dùng chày đập mà chỉ dùng 2 chân vò kéo để tuốt các hạt thóc. Thực hiện các công việc này phải là những người lớn trong gia đình không tiếp xúc với những người đang ở cữ hoặc làm lễ ma chay. Trong thời gian chuẩn bị thóc giống, người ta kiêng không cho người lạ vào nhà và người trong gia đình không được chửi bới nhau. Họ cho rằng người hòa thuận sẽ làm cho lúa mọc nhanh, phát triển tốt, đạt năng suất cao. Nếu người khác đến xin thóc giống thì chỉ có thể cho dưới dạng đổi hoặc vay đến mùa thu hoạch phải trả. Đồng bào cho rằng thóc giống là lộc của gia đình nên trong kinh nghiệm dân gian có câu "*tu nhiệm bí dù bào nghim*" tức được no cần lo giữ thóc giống.

Các loại hạt giống khác như ngô, bông, chàm,... cũng được chọn đem lên gác phơi và cất giữ cẩn thận. Riêng ngô thì chỉ chọn những bắp to để cả vỏ, có thể lấy hạt buộc ở đầu có râu và buộc các bắp với nhau để tạo thành chùm treo lên gác. Khi gieo trồng mới đem bóc vỏ dùng tay tuốt lấy hạt ngâm nước lã, thường sớm ngày mai trồng thì chiều hôm trước ngâm để hạt ngô no nước mới vớt ra dậu.

Vào tháng 5 âm lịch, đồng bào Dao ở các nơi thuộc tỉnh Cao Bằng mới bắt đầu các công việc gieo trồng lúa nương. Người ta thường dựa vào độ màu của đất canh tác mà gieo giống lúa tẻ hoặc lúa nếp, có thể gieo trồng theo phương pháp tra hốc hay vãi đều kết hợp xen canh với các loại cây trồng khác cho thích hợp. Trên mảnh đất mới khai phá được gieo vãi và sử dụng những giống lúa không ngắn và cũng không dài ngày có tính kén đất như lúa nếp. Còn những mảnh đất đã gieo trồng được 2 năm trở lên thì trồng các giống lúa tẻ ngắn ngày, có thể chuyển sang trồng các loại cây khác như ngô, đậu,... Trước khi gieo trồng cần chọn ngày, và thường lấy những ngày trời nắng, kiêng trùng các ngày mất của ông bà, người thân trong nhà. Hôm gieo, người ta mang cơm nước đến cúng tại nương gọi là *sít khoi đao*, cầu mong thần nông, thổ thần phù hộ. Gieo nương yêu cầu nhiều nhân lực giúp đỡ nhờ có hình thức tương trợ bằng cách đổi công (pụi công). Việc gieo trồng của người Dao bao giờ cũng được hoàn thành nhanh gọn.

Kiểu gieo trồng thành hốc có thể gieo từ đầu nương xuống chân nương, nhưng thường tra từ chân nương trở lên bởi đồng bào cho rằng nếu tra hạt từ đầu xuống chân sẽ làm cho nương bí, lúa phát triển không tốt. Cách gieo vãi thì nhất thiết phải gieo từ chân nương lên đầu nương, nó khá đơn giản, chỉ cần đem thóc giống có trộn thêm các loại hoa màu trồng xem canh (như hạt rau, hạt bí, dưa và cả ngô) vãi đều khắp nương rồi dùng cuốc bướm cào qua mặt nương làm cho thóc lẫn vào đất. Khi cào đất lấp hạt, người ta phải chú ý làm bật cả gốc rễ các cỏ cây, công việc này tất cả mọi người nam, nữ, già, trẻ đều tham gia. Tra hạt thành từng hốc thì phức tạp hơn, cần có sự phân công: người dùng gậy hay cuốc bướm loại nhỏ đi trước chọc lỗ thành từng hàng, và người theo sau tra hạt thóc. Dùng gậy chọc lỗ cần luôn chú ý ngửa mặt vát của đầu

gậy lên trên để khi lao gậy đầu nhọn của gậy mới cắm sâu vào đất. Còn người bỏ hạt xuống lỗ cần đeo giỏ con ở bên hông hay trước ngực tùy sở thích, đựng được khoảng 2 - 3kg thóc giống và luôn đi sát người chọc lỗ. Tùy theo đám nương tốt hay xấu mà bỏ vào hốc từ 10 - 15 hạt thóc và khoảng cách giữa các hốc, các hàng có thể thay đổi. Không ít nơi, khi tra nương xong người ta lấy các cành cây xanh nhiều nhánh kéo đi kéo lại khắp mặt nương để lấp hố đã tra thóc giống giữ độ ẩm cho thóc tránh được chim chóc đến ăn¹.

Riêng ngô thì được gieo trồng từ tháng 2 và tháng 3 âm lịch, cũng tùy từng loại đất mà trồng những giống ngô thích hợp. Trong đám nương mới khai phá người ta trồng ngô nếp và những giống ngô thấp cho thời gian thu hoạch ngắn tránh bị đổ do phát triển tốt. Ngô phải trồng ngay sau khi mới dọn nương xong để hạn chế sự phát triển của cây cỏ bởi ngô phát triển nhanh hơn cỏ dại. Đồng bào trồng ngô theo hốc, mỗi hốc từ 3 - 4 hạt giống. Còn khoảng cách giữa các hốc và giữa các hàng phụ thuộc vào độ màu mỡ của đất cũng như độ cao của giống ngô. Nếu đất tốt trồng giống ngô cao thì khoảng cách giữa các hốc và giữa các hàng cần kéo dài ra, ngược lại, đất xấu và giống ngô thấp thì khoảng cách giữa chúng cần rút ngắn. Ngay sau khi trồng xong ở giữa nương ngô người ta cắm một bông lau đầu trên có buộc hai nút to cách nhau 20cm bằng lá của nó (trông giống như cây ngô có hai bắp). Người cắm cây nêu cần khẩn rằng "hãy mọc nhanh đi ngô, sau này phải to và chắc hạt như cây mà ta đã cắm làm nêu".

Hôm gieo ngô lúa đồng bào Dao kiêng kỵ nhiều điều như không huýt sáo không bắt chước tiếng chim thú, tuyệt đối không được nhắc đến tên chúng, không kể chuyện đi săn. Họ cho rằng huýt sáo là tiếng gọi báo về làm đổ ngô lúa, nhắc đến chim thú

thì sau này chúng sẽ đến phá hoại nương. Gậy chọc lỗ chỉ được vát đàng gốc, nếu vát đàng ngọn, tức dùng ngọn chọc lỗ nghĩa là trồng ngược lúa sẽ không mọc và không phát triển tốt.

4. *Chăm sóc*. Đây là khâu hết sức quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nên người Dao thường nói "*mài chuồng mài moảng chính mài siêu*", nghĩa là có trồng có chăm sóc mới có thu. Trong chăm sóc làm cỏ là công đoạn phải tiến hành khi lúa đã lên cao khoảng từ 15 - 25cm. Đợt làm cỏ đầu tiên chỉ cần nhổ những cây cỏ đã kịp mọc cao hơn lúa và chặt các chồi cây. Liên sau đó khi lúa cao từ 30 - 45cm thì làm cỏ đợt hai và phải kết thúc trước khi ăn tết 14 tháng 7 âm lịch. Đây là bước quan trọng nên cần nhớ kỹ các cây cỏ dại chặt các dây leo, chồi cây,... Không nhất thiết phải làm cỏ theo trình tự từ chân lên đến đầu nương mà ở góc nào cỏ phát triển mạnh thì làm ở nơi đó trước. Đồng bào cho rằng làm cỏ đợt hai quyết định đến sự phát triển của cây lúa, nếu làm không kịp không những ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch mà còn bị dân làng chê cười là tham nhưng không làm được. Đối với những đám nương tra thành từng hàng thì người ta dùng cuốc bướm hay nạo cào khắp mặt nương, cỏ được rũ sạch đất bỏ vào các gốc cây hay để lên trên các thân cây chưa mọc. Khi lúa sắp ra đòng người ta lại làm cỏ đợt 3, chủ yếu nhổ bớt những chỗ cỏ mọc cao, chồi cây nhiều sao cho không cản trở sự phát triển của cây lúa.

Nương ngô cũng được làm cỏ 3 lần, lần đầu khi ngô cao khoảng 20cm thì chặt các chồi cây và những dây leo quá dài. Làm cỏ đợt hai được tiến hành khi gieo trồng được một tháng đến một tháng rưỡi, người ta dùng cuốc bướm cào khắp mặt nương và nhớ vun thêm đất vào gốc ngô, không phải rũ cỏ chất thành đống. Khi ngô sắp ra đòng cần chặt các dây leo chồi cây đã phát triển cao và phát rộng xung quanh bờ để nương quang

đăng tránh sự phá hoại của chim thú. Thời gian ngô lúa bắt đầu ra đòng cho đến thu hoạch người ta phải thường xuyên canh gác không cho thú rừng và chim chóc đến quấy phá. Xung quanh nương mọc lên những chòi canh (*liu chua o*) và đêm cũng như ngày người trực gõ mõ, hò hét, thổi tù và hoặc dùng súng rình để diệt thú bảo vệ nương. Ngoài ra đồng bào còn dựng những con bù nhìn (*lang o*) hình người bằng mũ và áo quần rách để đuổi chim thú.

5. *Thu hoạch (siêu biào)*. Đây là khâu cuối cùng của chu kỳ sản xuất, thời gian thu hoạch bắt đầu vào tháng chín lúc lúa sớm đã chín tới và kết thúc vào giữa tháng mười một nếu chậm sang đầu tháng chạp. Ngày đầu tiên bước vào thu hái lúa cần được chọn kỹ bởi liên quan đến quan niệm của đồng bào. Họ cho rằng nếu chọn vào các ngày như *khoi hoi*, tức ngày đi không về; ngày *thó hoi* - ngày hủy diệt,... thì sẽ không tốt. Chẳng hạn, thu hoạch vào ngày *khoi hoi* sẽ "*mài mình mai mài siêu*" (có chi không có thu) thóc ngô hái về dù có nhiều cũng không đủ ăn hay gặp các trường hợp như rơi vãi, chuột ăn, người khác đến xin,... thu hoạch vào ngày *thó hoi* sẽ làm cho thóc ngô bị mọt hoặc thối, mốc,... Đồng bào Dao ở đây thường chọn những ngày tốt để thu hoạch theo tiếng Dao như *tênh pành* (ngày bình yên), *pênh hoi* (ngày khép vào), *phiền hoi* (ngày ngược với thó hoi),... Chọn được ngày nhưng gặp phải trường hợp thời tiết xấu hay bận việc khác thì trong ngày đó chỉ cần đến đám nương đang muốn thu hoạch chọn một chỗ để buộc một túm to các bông lúa với nhau ở gần ngọn gọi là mẹ thóc (*biào muôi cố*) và thu hái quanh nương mỗi nơi một bông lúa (khoảng 6 - 7 bông) buộc vào nhau gọi là *biào hòn* (hòn lúa) để ngoắc vào túm *biào muôi cố*. Xong, chỉ cần hái lấy vài bông mang về nhà là được. Tất cả các công việc trên được tiến hành trong ngày đầu tiên mở đầu cho mùa thu hoạch được đồng bào Dao gọi là *pái biào*, tức khởi công lấy ngày thu

hái.

Công việc gặt hái tiếp theo có thể tiến hành vào bất kỳ thời gian của quá trình thu hoạch nhưng phải gặt hái từ chỗ *biào mui* cố trở ra xung quanh nương đến khi hết đám nương mới quay lại gặt hái túm *biào mui* cố và nhờ mang cả số bông *biào hòn* về theo để làm lễ cúng gọi là cúng hòn lúa (*sít biào hòn*). Dụng cụ gặt hái có chiếc nhíp (*díp chuật biào*) và liềm (*liềm cạt biào*). Liềm gặt có cấu tạo giống như liềm của các dân tộc Tày, Nùng, còn nhíp thì thân làm bằng gỗ được vót thành hình thang cân hay hình con bướm rất đẹp dài khoảng 6 - 7cm rộng chừng 4 - 5cm có lưỡi thép sắc dài 3cm rộng 2cm cắm sâu vào bụng nhíp. Việc dùng liềm hay nhíp là tùy thuộc vào giống lúa. Đối với giống lúa cho phép gặt đập thì người ta dùng liềm gặt phơi khô ở ruộng nương mới đập lấy thóc quạt sạch cho vào dậu gánh về nhà đổ vào bồ. Riêng giống lúa mà thóc bám dai thì phải dùng nhíp hái nhặt từng bông cũng có thể hai ba bông nếu chúng ở sát nhau rồi bó thành cụm để lấy đòn gánh sóc gánh về nhà phơi trên gác bếp.

II. VÀI NÉT VỀ NƯƠNG THÂM CANH VÀ THỔ CANH HỐC ĐÁ

1. *Nương thâm canh* là nương canh tác dài hạn ở ven suối, trên sườn đồi và các bãi bằng. Trong năm đầu khai phá nương thâm canh cũng làm giống như nương du canh nhưng từ năm thứ 3 trở đi khi những gốc cây bị bục thì người ta bắt đầu cải tạo đất bằng cách cày cuốc làm bật các gốc cây và dọn dẹp đá cuội xếp thành từng đống hay thành các bờ ngăn trong nương để giữ đất màu. Qua nhiều năm vừa trồng trọt vừa cải tạo dần dần đám nương du canh chuyển thành nương bậc thang hoặc đất canh tác định canh, chỗ gần suối hay nước nguồn người ta dẫn nước vào kết hợp cày cuốc thành ruộng bậc thang. Để cải tạo đất đồng bào dùng đến sức kéo và sử dụng các loại nông cụ

phổ biến của người Tày, Nùng như cày bừa cuốc, nạo,... Trồng trọt trên những đám nương này người ta đã chú ý sử dụng phân chuồng và chủ yếu là bón lót để tăng thêm màu cho đất. Phân được rải đều theo đường cày hay cho vào từng hốc, nếu bỏ phân tươi thì trước khi tra phải lấp phân bằng một lớp đất mỏng sau đó mới tra thóc giống và vùi một lớp đất mỏng nữa để lấp hạt giống. Nếu dùng phân khô thì tra hạt luôn cùng với phân rồi dùng chân gạt một lớp đất mỏng lấp cả hạt lẫn phân. Khi tra nương thường một số đàn ông cày luống và đàn bà trẻ em bỏ phân kết hợp gieo thóc giống. Khoảng cách giữa các hốc và giữa các luống cây được xác định tùy theo giống lúa thấp hay cao có thể từ 30 - 40cm để tiện chăm sóc làm cỏ sau này.

Ngày nay do tình hình đất làm nương du canh ngày một khan hiếm, người Dao ở Cao Bằng đã phát triển nương thâm canh. Ở những nơi vùng sâu xa cách thị trường thuộc các huyện Ba Bể, Ngân Sơn người ta đã cố gắng tận dụng loại nương này để tự cấp tối thiểu về lương thực. Ưu điểm của nương thâm canh không những cho phép canh tác lâu dài mà còn có thể trồng luân canh, xen canh và gối vụ. Thông thường khoảng thời gian từ tháng giêng đến đầu tháng 5 âm lịch đồng bào trồng ngô và từ tháng 5 trở đi trồng lúa, đậu, lạc,... Không nhất thiết phải đợi thu hoạch xong mới trồng các thứ khác, chỉ chờ cho ngô tương đối chắc hạt là làm cỏ bẻ bớt lá và gieo trồng lúa hoặc đậu. Khi thu hoạch ngô người ta mới chặt bỏ bớt thân ngô tạo điều kiện cho lúa phát triển. Tuy trồng nhiều vụ, nhiều loại cây lương thực khác nhau nhưng năng suất thu hoạch của những đám nương thâm canh thường vẫn ổn định trong nhiều năm thậm chí còn tăng nếu tiến hành tốt các khâu kỹ thuật làm đất và bón phân.

2. *Nương thổ canh hốc đá* là loại hình trồng trọt vào trong các hốc đá. Cây trồng

thích hợp với các loại nương này là ngô, kê, mạch ba góc và các loại hoa màu khác đặc biệt là đỗ, còn việc trồng lúa thì cho năng suất thu hoạch thấp do thiếu ánh sáng, hơn nữa vùng núi đá vôi thường không thích hợp với cây lúa. Nơi điển hình nhất về canh tác nương thổ canh hốc đá là đồng bào Dao Đỏ ở xã Thái Học, Nguyên Bình, Cao Bằng. Giống như nương thâm canh, nương thổ canh hốc đá cũng cho phép gieo trồng lâu dài do ít bị xói mòn. Về khai phá, tùy theo địa hình của đám nương cũng phải tốn nhiều công sức cải tạo bằng cách xếp dọn các đá cuội, đập vỡ những hòn đá to có thể đập được. Những mảnh đá và cuội được xếp thành đống hoặc bờ khoanh rẫy thành những ô những mảnh nhỏ, ngay trong các khe hốc nhỏ rộng gần một mét vuông cũng được xếp đá. Không ít trường hợp người ta còn đổ thêm đất màu và phân vào chỗ đã xếp đá thành mặt bằng để trồng màu lên trên. Kết hợp với việc xếp đá ngăn xói mòn đồng bào còn cày bừa và bón phân để làm tăng độ màu của đất. Canh tác những loại nương này người ta phải sử dụng tất cả các loại nông cụ như cày, bừa, nạo, dao, búa đập và sức kéo của gia súc².

Nói tới nương rẫy của đồng bào Dao thì không nên hiểu rằng trong đám nương ấy chỉ trồng riêng ngô hoặc lúa mà còn có các loại hoa màu khác được trồng trên cơ sở xen canh. Trong nương lúa người ta trồng thêm các loại rau (như rau cải, bí, bầu, rau bèo,...) dưa, đỗ, vừng, kể cả ngô. Dưa, bí, rau bèo, ngô được trộn với thóc giống trước khi gieo nhưng với một tỷ lệ vừa phải, rau cải đem vãi thưa ở những nơi đất ẩm tốt các loại đỗ, bầu, bí, mướp, củ, tức những cây có dây leo thì trồng vào những gốc cây cao hoặc gần bờ nương để chúng có chỗ leo sau này. Vừng được đem vãi đều khắp xung quanh nương riêng dưa quả thì được trồng vào các đống *tàu dao*. Tất cả các loại rau chỉ sau một thời gian ngắn khi lúa lên cao khoảng 25 - 30cm thì được ăn, người ta vừa làm cỏ lúa vừa hái về ăn còn dưa, bí, bầu,

mướp,... thì sau khi làm xong cỏ đợt hai cũng là lúc chúng ra hoa kết quả. Trong nương ngô người ta trồng xen canh nhiều loại hoa màu hơn không những có rau, dưa, bí, bầu,... mà còn trồng thêm gừng, sắn, các loại cây ăn quả (như đu đủ, thị, chuối, cà,...), các loại khoai (khoai lang, khoai sọ), các loại củ (củ huyệt, củ hình nhân), các loại đỗ (đỗ tương, đậu đũa, đậu nho nhoe,...), đặc biệt các loại cây thân có bột như đao, móc, báng,... Tất cả những loại cây trồng xen canh này đã cung cấp một phần thực phẩm quan trọng cho đồng bào. Trước đây khi đất rừng còn màu mỡ người Dao không cần làm vườn mà quanh năm vẫn có đủ rau cỏ để ăn.

III. MỘT SỐ NGHĨ LỄ TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN NÔNG NGHIỆP NƯƠNG Rẫy

Trong sản xuất nông nghiệp nương rẫy, người Dao ở tỉnh Cao Bằng có một số nghi lễ tín ngưỡng như lễ diệt trừ sâu bọ (*pháo kèm* hay còn gọi là *chấu háo*) lễ cúng vào dịp lập thu (*sít thiêu ta hùng* hay còn gọi là *nhiên thiêu*), lễ cúng cơm mới (*nhiên siang mây*), lễ cúng hòn lúa (*sít biào hòn*), lễ cầu mùa (*sít sín miên*)...

1. *Lễ diệt trừ sâu bọ*. Theo quan niệm của đồng bào Dao thì những làng đã thành lập lâu đời hoặc đã có người sinh sống thường có một loại ma gọi là ma xấu tính (*miên nhiều đoa*). Ma này do một số thầy cúng xấu tính khi di cư đã dùng phép thuật đưa vào làng để chuyên đón các loại sâu bọ về phá hoại mùa màng của cư dân đang sinh sống ở đó. Những làng mới thành lập trước đây chưa có người cư trú thường không có loại ma trên và cư dân không cần tổ chức lễ *pháo kèm*. Riêng những làng có ma tính xấu thì cần tổ chức lễ cúng hàng năm hoặc vài năm, thường 2 - 3 năm cúng một lần để phòng trừ sâu bọ đến phá hoại mùa màng

Lễ diệt trừ sâu bọ được tổ chức một ngày vào tháng năm ở trong rừng cấm không cho

khách vào kể cả dân bản. Lễ vật có gà luộc, hương, rượu, xôi, giấy tiền. Số lễ vật nhiều hay ít tùy thuộc vào sự đóng góp của dân bản: nhà nào có gà thì góp một con, không có thì góp ít gạo nếp, vài que hương, ít rượu... Chủ trì lễ cúng có hai thầy cúng, hai người đi gọi ma và một số người giúp việc, tất cả những người này đều do dân bản cử. Trước khi cúng cần bày hai đàn cúng gồm các lễ vật trên cho hai thầy cúng hai loại ma khác nhau: ma thổ địa và ma tính xấu. Cùng với thời gian chuẩn bị đàn cúng cần đan kịp hai cái cũi và làm xong một đòn gánh, một chiếc mõ nhỏ. Sắp đến giờ hành lễ, thầy cúng được phân công cúng ma tính xấu làm phép cho giấy bản vào trong hai cái cũi có tra đòn gánh để đi gọi ma ở các nhà trong làng. Đồng bào cho rằng có một số ma lười chuyên nằm chờ ở nhà nên phải đi gọi. Hai người đi gọi ma tự phân công một người gánh hai cái cũi, một người gõ mõ để đi qua từng nhà từ đầu làng đến cuối làng. Theo quy định, cứ gần đến nhà là đoàn vừa đi vừa gõ mõ, khi sắp qua cửa chính thì gọi to để người trong nhà nghe thấy "piao mài khe mai" (nhà có khách không). Khi đó trong nhà sẽ có người trả lời là có hoặc đợi với và người đó mở cửa lấy vài hột gạo bỏ vào một trong hai cái cũi, còn một ít để khi đoàn vừa đi khỏi vài bước thì ném theo và nói "*minh buốt lô, mai khui diêm nai*" (ky ở đây rồi đi nhanh đi). Trường hợp trong nhà không có người trả lời, tức gia đình đó vắng người hoặc không cần đuổi ma, đoàn vẫn đi qua và tiếp tục sang nhà khác. Khi nhận được vài hột gạo và chuẩn bị bước ra khỏi nhà, đoàn gọi ma phải nói "*minh lò, chún nhia bua minh nhận o lô*" (đi thôi, hãy đi cùng chúng tôi đi ăn cỗ). Đi hết các nhà thì đoàn quay lại chỗ cúng lễ nhưng đến gần nơi ngã ba đường thì vứt bỏ tất cả cũi, đòn gánh và mõ để đi người không vào nơi cúng.

Đợi cho đoàn gọi ma vừa đi khỏi thì hai thầy cúng ngồi vào đàn cúng hành lễ. Cúng

gần xong mới bói quẻ xem kết quả nếu được là đốt vàng mã, không được thì phải cúng lại. Hành lễ xong, tất cả mọi người cùng ăn một bữa cơm cùng các lễ vật cúng và chia tay kết thúc lễ³.

2. *Lễ cúng vào thu*. Lễ này thường tổ chức cúng hàng năm vào hôm trước của này lập thu. Lễ cúng được xuất phát từ chuyện kể rằng ngay xưa có một người đàn bà đi nương làm cỏ lúa vào ngày lập thu nghe tiếng ma quỷ kháo nhau là xuống địa giới kiếm tiền. Người đàn bà ấy sợ hãi chạy về thuật lại những điều tai nghe mắt thấy cho bà con họ hàng biết sau đó tự nhiên ốm chết và được đồng bào Dao cho là thiên ta hùng (nữ anh hùng mùa thu) bởi dám thuật lại những điều ma nói để con cháu biết mà tránh. Từ đó hàng năm vào ngày lập thu người ta kiêng không đi nương rẫy sợ bị ma bắt hồn mà tổ chức cúng⁴.

Ở một số nơi người ta tổ chức cúng lễ thiên thiêu rất đơn giản. Trước ngày lập thu chỉ cần khẩn báo cho tổ tiên gia đình phù hộ rồi mang nhiều giấy tiền ma đi reo khắp các ngã đường trên nương ngoài đồng đổ ma mùa thu (*thiêu miên*) qua lại nhìn thấy mang về dùng không bắt hồn người sống. Cúng không ít nơi đồng bào tổ chức cúng rất long trọng tại nhà trưởng tộc. Tại những nơi đó người ta coi nghi lễ này là của tông tộc bởi *thiên ta hùng* đã báo cho cả họ hàng tông tộc để tránh không đi nương vào ngày lập thu. Để tổ chức cúng mỗi gia đình thành viên tông tộc cần cử một người đến dự lễ có mang theo một con gà, ba nén hương và ít giấy tiền hoặc rượu, riêng nhà trưởng tộc có thể thịt một con lợn khoảng 10kg. Trường hợp nhà trưởng tộc túng thiếu thì anh em tông tộc có quyền đóng góp theo tùy tâm, bởi họ hiểu rằng nhà nào cũng phải cúng đã cúng thì phải có lễ vật. Theo chương trình của lễ thì phải cúng hai lần: đầu tiên cúng ma tông tộc trong đó có ma tổ tiên của các gia đình trong tông tộc và ma thần

nông, tiếp theo cúng *thieu ta hùng* và ma mùa thu. Lễ cúng đầu nhất thiết phải do trưởng tộc thực hiện, còn lễ sau có thể do một người khác trong tông tộc cúng. Cúng xong người ta ăn uống và cùng bàn bạc về các công việc sản xuất và tương trợ giúp đỡ nhau trong tông tộc.

3. *Lễ cúng cơm mới*. Nếu lễ cúng diệt trừ sâu bọ là lễ của cả làng và lễ *nhiên thieu* là của tông tộc thì lễ cúng cơm mới là nghi lễ riêng của mỗi gia đình chỉ được tổ chức ở trước bàn thờ tổ tiên của mỗi nhà. Nghi lễ này hiện nay không còn phổ biến nữa bởi mục đích của nó là mời tổ tiên thần nông ăn cơm mới, tạ ơn chúng đã phù hộ cho mùa màng ngô lúa được thu hoạch.

Chọn được ngày tốt, người ta gặt lấy ít thóc đầu mùa đem về phơi khô giã thành gạo nấu cơm xới ra bát bày lên đàn cúng đối diện với bàn thờ tổ tiên cùng các thức ăn như gà luộc, cá, rau xanh, rượu,... Chuẩn bị xong, chủ gia đình tiến hành cúng tạ ơn và cầu mong tổ tiên thần nông tiếp tục phù hộ cho con cháu trong việc sản xuất và thu hoạch mùa màng. Sau lễ cúng cả gia đình ngồi quây quần ăn uống với nhau, người ta kỵ không được chê bai mà phải khen gạo mới thơm ngon và dẻo. Hôm cúng cơm mới đồng bào kiêng không cho người ngoài kể cả hàng xóm vào nhà do tồn tại quan niệm rằng bữa ăn cơm mới có người ngoài gia đình thì sau này nhà sẽ có nhiều khách không đủ cơm nước để nuôi. Sau lễ cúng cơm mới người ta mới chuẩn bị các thứ cần thiết để gặt hái như lật buộc, đậu, đòn gánh, cốt phơi, bồ đựng thóc.

4. *Lễ cúng hồn lúa*. Lễ cúng này được tổ chức vào thời gian vừa thu hái xong. Người ta quan niệm rằng mỗi bông lúa và mỗi hạt thóc là sự sống đều có hồn, ở trên nương chúng được gần nhau nhưng khi thu hái hồn lúa có thể bị thất lạc do rơi vãi, do đó, cần làm lễ cúng để gọi chúng về xum họp. Lễ cúng hồn lúa được tổ chức đơn giản tại nhà,

người ta lập đàn cúng trước bàn thờ tổ tiên trên đó có bày gà luộc, thức ăn, một chén nước và ba chén để rót rượu mời ma. Bên cạnh đàn cúng có bày một cụm *biào muôi* cổ cùng với những bông biào hồn. Chủ nhà, có thể mời thầy cúng nếu chủ nhà không biết cúng, cúng tạ ơn thần nông, ma tổ tiên đã phù hộ mùa màng và giúp đỡ mẹ lúa đẻ ra nhiều thóc, cầu mong ma tổ tiên, thần nông gọi giúp hồn lúa của những bông lúa và những hạt thóc đã rơi vãi về đoàn tụ cùng mẹ lúa. Bài cúng còn có đoạn ca ngợi mẹ thóc đã không phật ý đẻ ra nhiều thóc cho gia đình⁵. Sau khi cúng xong, cụm mẹ lúa cùng với mấy bông hồn lúa được đem đặt vào trong các cụm thóc đã được xếp đống ở trên gác để sau này làm bánh cho cả nhà ăn. Người ta quan niệm rằng cụm lúa này là tập hợp tất cả hồn lúa nên ăn vào khỏe người và có khả năng chống các bệnh tật.

Ngoài những nghi lễ trên, người Dao ở tỉnh Cao Bằng còn có những quan niệm tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp nương rẫy. Trước đây cũng như ngày nay đồng bào còn có tục là vào những ngày chuẩn bị cho tết nguyên đán, tất cả các loại lá đã hái về gói bánh như lá rong, lá chuối nếu dùng còn thừa thì phải mang ra ngoài nhà để với mục đích là hạn chế sự phát triển của cỏ dại trong các đám nương sẽ gieo trồng trong năm mới. Đêm 30 tết người ta kiêng không đi ngủ sớm nếu ai không thực hiện thì năm tới ngô lúa của gia đình bị đổ ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch thì người đó phải chịu trách nhiệm, đặc biệt phụ nữ không được kéo sợi vì đó là dấu hiệu dẫn dắt những cơn bão lớn về phá hoại mùa màng trong năm mới. Vào những ngày tết người ta kiêng không phơi áo quần, chăn chiếu ra ngoài trời, không được đốt đuốc đi chơi... những việc đó sẽ làm cho trời hạn hán mất mùa. Vào đêm 30 tết người ta lấy một chai nước sôi nút chặt nắp đem cân để biết trọng lượng ban đầu, sau đó đặt ở dưới bàn thờ

chỗ sát vách. Sáng mùng một tết đem chai nước trên ra cân thử, nếu thấy trọng lượng như đã cân tối qua thì tức là năm mới cũng sẽ mưa như năm cũ, nếu trọng lượng nhiều hơn - năm mới sẽ mưa nhiều hơn, còn trường hợp ít trọng lượng - năm mới sẽ mưa ít. Dựa vào đó đồng bào dự đoán thời tiết năm mới để có kế hoạch sản xuất bảo vệ mùa màng⁶.

Không ít nơi người ta còn cho rằng trời mưa hay nắng là do con rồng (*cung nang*) ở trong hang hay ra ngoài chơi cảnh thiên nhiên: nếu rồng ở trong hang thì trời không mưa, rồng ra ngoài hang thì trời mưa. Họ cho biết thêm rằng cửa hang nơi rồng hay ra vào là chỗ nước nguồn ở trong lòng đất chảy ra thành suối, những làng có nước nguồn ấy có thể làm cho trời mưa bằng cách lấy hoa chuối hay vật khác chấn cửa hang không cho rồng ra vào thì lúc đó rồng sẽ làm cho trời mưa trong lúc hạn hoặc sẽ tạnh mưa nếu mưa nhiều gây lụt. Chẳng hạn, trong làng Nà Còi (xã Bành Trạch, Ba Bể) đầu nguồn con suối mang tên Khuổi Xỏm có một cửa hang rồng. Hiện nay dân bản Nà Còi còn nhớ rằng trước đây vào những năm hạn hán nguy cơ mất mùa dân làng cử ông Triệu Văn Thao làm phép chấn cửa hang trên và đương nhiên trời đã mưa cứu được mùa màng. Từ khi ông Thao chết dân làng đều được mùa do thời tiết thuận lợi, nhưng trong những năm gần đây ở vùng này lại hạn hán, nhớ sự kiện xưa dân cư xóm Khuổi Xỏm cử ông Lý Văn Nghiêm đi làm phép chấn cửa hang rồng nhưng ngay sau đó trời chỉ râm lác dác mưa rồi tạnh không cứu được mùa màng. Giải thích hiện tượng này đồng bào cho rằng rồng đã rời khỏi hang để đi sang hang khác⁷.

Một vài nhận xét:

Canh tác nương rẫy truyền thống của người Dao tỉnh Cao Bằng có đặc điểm là phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, tất cả các khâu từ chọn đất, gieo trồng cho đến thu hái đều theo kinh nghiệm cổ truyền. Người

lao động chỉ biết dựa vào thời gian, thời vụ mà tiến hành các công việc phù hợp ít khi sử dụng các thao tác kỹ thuật phức tạp tốn công học hỏi nắm bắt. Vì là kinh tế tự nhiên nên tồn tại rất nhiều nghi lễ tín ngưỡng, chủ yếu là cúng thần nông, thổ thần, hồn lúa và tất cả các loại ma liên quan. Tuy nhiên cũng đã xuất hiện hai loại nương đáng chú ý là nương thâm canh và nương thổ canh hóc đá. So với nương du canh, hai loại nương này có ưu điểm là không những canh tác được lâu dài, hạn chế nạn phá rừng, chống xói mòn đất mà còn cho phép áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật như phân bón, giống mới, tròng luân canh gối vụ,... Dẫu sao hình thức canh tác nương rẫy của người Dao ở đây là tạm bợ kém hiệu quả kinh tế và lạc hậu, nó hạn chế sự giao lưu văn hóa cũng như kìm hãm sự phát triển của nhu cầu về tiếp thu và sử dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

1. Theo lời kể của bà Triệu Mùi Ghén - người Dao Đỏ ở làng Nà Mòn, An Thắng, Ba Bể.
2. Theo ông Bàn Kim Giáo - người Dao Đỏ ở xóm Lũng Rào xã Thái Học huyện Nguyên Bình.
3. Theo lời kể của bà Bàn Thị Pô - người Dao Tiên ở xã Thành Công, huyện Nguyên Bình.
4. Theo lời kể của bà Lý Thị Chủ - người Dao Tiên ở Nà Còi, Bành Trạch, Ba Bể.
5. Chuyện kể rằng xưa kia mẹ lúa không những đẻ ra thóc mà còn bắt thóc ở trên nương tự về nhà. Không ngờ người nhà cho cô dâu quét dọn bỏ đơi thóc về lại lưỡi không quét dọn mà còn lấy chổi đập đuổi thóc. Từ đó, mẹ lúa không cho thóc tự về nữa mà gia đình phải lên nương gánh nhưng rất may là mẹ lúa không phật ý vẫn đẻ ra thóc.
6. Theo ông Bàn Văn Quan - người Dao Tiên ở Bản Nhảm xã Cao Tân huyện Ba Bể.
7. Theo lời kể của ông Lý Văn Nghiêm - người Dao Tiên ở Nà Còi, Bành Trạch, Ba Bể.